

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

**KINH TẾ XANH Ở CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC RÚT RA**

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| 1. Bối cảnh thực hiện kinh tế xanh ở Đức | 2 |
| 2. Chính sách kinh tế xanh và những kết quả đạt được | 5 |
| 2.1 Báo cáo kinh tế môi trường năm 2011 | 5 |
| 2.2 Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững | 10 |
| 2.3. Chương trình hiệu quả tài nguyên..... | 12 |
| 2.4. Chính sách khí hậu quốc gia | 14 |
| 2.4.1 Chương trình hành động khí hậu 2020 của Đức..... | 14 |
| 2.4.2 Kế hoạch hành động một nước Đức không phát thải khí nhà kính vào năm 2050 | 15 |
| 2.5. Kế hoạch hành động quốc gia về hiệu quả năng lượng | 15 |
| 2.6. Các chính sách phát triển kinh tế xanh | 16 |
| 2.7 Những kết quả đạt được..... | 18 |
| 2.7.1 Lĩnh vực năng lượng tái tạo..... | 18 |
| 3. Một số bài học về thực hiện kinh tế xanh ở Đức | 23 |
| 3.1 Thực hiện phát triển bền vững..... | 23 |
| 3.2 Chính sách hiệu quả tài nguyên | 24 |
| 3.3 Lĩnh vực năng lượng..... | 24 |
| 3.3.1 Chính sách thuế năng lượng | 24 |
| 3.3.2 Chính sách hiệu quả năng lượng | 26 |
| 3.3.3 Một số vấn đề khác..... | 26 |

1. Bối cảnh thực hiện kinh tế xanh ở Đức

Ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn của thế kỷ 21. Nhiệt độ trung bình trái đất liên tục tăng do sự gia tăng khí nhà kính và tác động của việc tăng nhiệt độ trái đất ngày càng rõ ràng. Nếu nhiệt độ trái đất vẫn tiếp tục gia tăng không kiểm soát và nó có thể vượt quá khả năng thích ứng của các hệ thống tự nhiên, quản lý và xã hội.

Đức và Liên minh Châu Âu tiếp tục nỗ lực cho một thỏa thuận khí hậu toàn diện nhằm hạn chế sự nóng lên toàn cầu dưới 2°C so với thời kỳ tiền công nghiệp. Trên bình diện quốc tế, Chính phủ Đức đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình thực hiện các chính sách khí hậu quốc tế. Đức đã tổ chức thành công đối thoại khí hậu Petersburg hàng năm. Đây là một sáng kiến do bà Angela Merkel đưa ra sau các cuộc đàm phán khí hậu tại Copenhagen năm 2009. Đối thoại Petersburg quy tụ các bộ trưởng môi trường từ các nước phát triển, vừa được công nghiệp hóa cũng như các nước đang phát triển cho các cuộc thảo luận mở nhằm mục đích thúc đẩy mạnh mẽ những kết quả đàm phán khí hậu quốc tế.

Trong những thập kỷ qua, Đức là trung tâm công nghiệp của châu Âu và là một nền kinh tế lớn thứ ba trong các nước OECD, đã chủ động phát triển các chính sách môi trường đầy tham vọng trên cả phương diện trong nước và quốc tế. Khung pháp lý về môi trường mạnh của Đức tạo vị thế cho đất nước này không chỉ tiên phong trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, mà còn là một ví dụ điển hình về thúc đẩy nền kinh tế carbon thấp có tính cạnh tranh so với các nền kinh tế phát triển khác. Mô hình phát triển kinh tế xanh ở Đức là sự hài hòa giữa bảo vệ tài nguyên và môi trường, khí hậu với phát triển kinh tế và công bằng xã hội (GIZ, 2012). Chính phủ khuyến khích hỗ trợ nền kinh tế xanh tạo ra việc làm xanh, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Các chính sách tăng trưởng xanh ở Đức được phát

triển trên nền tảng thực hiện phát triển bền vững phối hợp với các chính sách khí hậu nhằm thực hiện các mục tiêu tham vọng về giảm phát thải khí nhà kính của mình, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua các chính sách phát triển năng lượng tái tạo. Đức đang thực hiện việc chuyển đổi hệ thống năng lượng của mình và đã đặt ra mục tiêu đầy tham vọng trong việc giảm lượng khí thải: giảm phát thải khí nhà kính tác động 40% vào năm 2020, 55% vào năm 2030, 70% vào năm 2040 và mục tiêu giảm phát thải 80-95% vào năm 2050, so với năm 1990. Khái niệm năng lượng dài hạn được đưa ra nhằm xác định cách thức để đạt được các mục tiêu đề ra. Khái niệm năng lượng này được công nhận trên toàn thế giới như là một công cụ độc đáo và được coi như một hướng dẫn chính sách năng lượng giúp hiện thực hóa những nỗ lực thực hiện cam kết khí hậu của các quốc gia khác và mang ý nghĩa cả về kinh tế cũng như về mặt chính sách.

Chính phủ Đức cũng hỗ trợ các mục tiêu tham vọng của liên minh Châu Âu. Với vai trò chủ tịch Liên minh Châu Âu nửa đầu của năm 2007, Liên minh Châu Âu đã cam kết giảm 20% lượng phát thải so với năm 1990 và mục tiêu sẽ tăng lên 30% nếu các nước công nghiệp khác thực hiện các nỗ lực tương tự và các nền kinh tế mới nổi cũng như các nước đang phát triển có đóng góp đầy đủ thực hiện cam kết quốc tế về khí hậu.

Năm 1989, khái niệm kinh tế xanh lần đầu tiên được đưa ra trong các cuộc thảo luận chính trị quốc gia, với 05 mục tiêu cụ thể:

- Giảm phát thải khí nhà kính
- 100% tái chế theo chu trình khép kín
- Giảm mạnh tiêu thụ tài nguyên thông qua tăng cường sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng cũng như thay thế năng lượng hóa thạch bằng nguồn

năng lượng mới

- Hướng tới sử dụng 100% năng lượng tái tạo trong tương lai
- Bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường

Nước Đức đã xây dựng một loạt các chính sách môi trường hỗ trợ tăng trưởng xanh, sử dụng các công cụ kinh tế để cải thiện định giá môi trường đối với các tác nhân bên ngoài và triển khai các quy định môi trường nghiêm ngặt theo phương thức truyền thống song song với thực hiện cam kết quốc tế về phát triển bền vững và biến đổi khí hậu.

Một số chính sách chính liên quan tới tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và thực hiện phát triển bền vững ở Đức, cụ thể:

- Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững, do Chính phủ Liên bang phụ trách, được ban hành năm 2002;
- Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học do Bộ môi trường, bảo tồn, xây dựng và an toàn hạt nhân ban hành năm 2007;
- Chương trình lồng ghép khí hậu và năng lượng do Bộ môi trường, bảo tồn, xây dựng và an toàn hạt nhân ban hành năm 2007;
- Chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu do Bộ môi trường, bảo tồn, xây dựng và an toàn hạt nhân ban hành năm 2008;
- Khái niệm năng lượng do Bộ môi trường, bảo tồn, xây dựng và an toàn hạt nhân ban hành năm 2010;
- Chương trình sử dụng hiệu quả tài nguyên do Bộ môi trường, bảo tồn, xây dựng và an toàn hạt nhân ban hành năm 2012;

- Kế hoạch hành động quốc gia về sử dụng năng lượng hiệu quả

Tăng trưởng xanh trong bối cảnh phát triển bền vững ở Đức dựa trên cơ sở phát triển hơn nữa kinh tế thị trường xã hội và nhận thức tầm quan trọng của thiên nhiên và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên (BMZ, 2011). Quản lý tài nguyên có trách nhiệm là động lực chính cho phát triển kinh tế ít phụ thuộc vào nhập khẩu tài nguyên với chi phí cao. Nhiều sáng kiến và công nghệ môi trường được gắn mác bởi nước Đức và những kinh nghiệm thành công của nước này trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, tái chế, công nghệ sử dụng hiệu quả tài nguyên và trang trại hữu cơ, đặc biệt thúc đẩy lĩnh vực tư nhân tham gia thực hiện xanh hóa nền kinh tế song song với thực hiện phát triển bền vững, thúc đẩy kiến tạo thịnh vượng quốc gia và nâng cao giá trị vốn xã hội và vốn tự nhiên đang là bài học quý giá cho các nước đang phát triển.

2. Chính sách kinh tế xanh và những kết quả đạt được

2.1 Báo cáo kinh tế môi trường năm 2011

Đây là báo cáo được thực hiện bởi Bộ Môi trường liên bang và Cơ quan môi trường liên bang (Buhner, 2012). Báo cáo này bao gồm một số dữ liệu thống kê phức tạp và toàn diện về kinh tế và môi trường ở Đức cũng như hướng phát triển mới, thách thức và triển vọng của nền kinh tế môi trường ở Đức. Báo cáo cho thấy Đức đã đạt được tiến bộ đáng kể trên con đường hướng tới tăng trưởng mới thân thiện với môi trường – một nền kinh tế tăng trưởng sử dụng ít tài nguyên, tối đa hóa hiệu quả sử dụng đất và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, và giảm phát thải ô nhiễm so với thời kỳ phát triển mười năm trước.

Báo cáo là một tài liệu quan trọng đóng góp cho sự phát triển nền kinh tế Đức nói chung và khẳng định vai trò tiên phong của các công ty Đức trong chính lĩnh

vực này. Trong báo cáo môi trường này đã nêu rõ nền kinh tế môi trường là một nền kinh tế thúc đẩy phát triển công nghiệp liên ngành trong đó các công ty sản xuất và cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường. Ở Đức sản xuất hàng hóa môi trường đạt mức tăng trưởng trên trung bình, với tổng khối lượng sản xuất chiếm gần 76 tỷ euro. Đức đang là nước đứng đầu trong việc xuất khẩu hàng hóa môi trường, với thị phần thương mại chiếm 15,4% thị phần toàn cầu. Theo tính toán gần đây nhất, Đức đã tạo lên một kỷ lục mới trong việc tạo ra gần 2 triệu lao động trong nền kinh tế môi trường. Chính vì vậy, việc chuyển đổi hệ thống năng lượng của Đức sẽ góp phần thúc đẩy nhanh hơn xu hướng phát triển kinh tế môi trường. Báo cáo này một lần nữa nhấn mạnh việc xây dựng và phát triển các chính sách hướng tới lối sống và các hoạt động kinh tế sử dụng hiệu quả tài nguyên và bền vững hay nói cách khác sức mạnh sáng tạo của nền kinh tế môi trường chính là dấu hiệu của sự thành công của các chính sách môi trường và năng lượng (Buhner, 2012; Ralph Buehler, 2011).

Báo cáo kinh tế môi trường 2011 cho thấy Đức ngày càng chú trọng tới việc đạt mục tiêu giảm phát thải các chất độc hại với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên. Việc chuyển đổi hệ thống năng lượng của Đức chính là một yếu tố mang tính quyết định trong việc thực hiện phát triển kinh tế thân thiện với môi trường, giúp thúc đẩy mạnh mẽ tiềm lực nền kinh tế và là nền tảng thúc đẩy hơn nữa tái cấu trúc hệ thống cung cấp năng lượng, ngành công nghiệp và xã hội của Đức một cách bền vững. Bản thân nước Đức luôn muốn duy trì là một quốc gia công nghiệp hàng đầu có thể mạnh cạnh tranh đối với các sản phẩm công nghệ cao, tiên tiến. Đạo luật quản lý chất thải và tái sử dụng chất thải cũng như chương trình sử dụng tài nguyên hiệu quả chính là các bước tiếp theo cần thực hiện trong con đường thực hiện phát triển kinh tế thân thiện với môi trường (Buhner, 2012).

Báo cáo về kinh tế môi trường 2011 của Đức đã cho thấy bảo vệ môi trường

chính là động lực để phát triển kinh tế và tạo ra những cơ hội lớn trong việc tạo ra công ăn việc làm trong các lĩnh vực bảo vệ khí hậu và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Đây cũng là một triển vọng tuyệt vời cho Đức trong lĩnh vực xuất khẩu công nghệ hiệu quả và thân thiện với môi trường do nhu cầu của thị trường toàn cầu đối với những loại hình công nghệ này đã và đang gia tăng trong tương lai gần. Do vậy, việc theo đuổi một nền kinh tế xanh xuất phát từ chính những lý do tăng trưởng kinh tế là một phương thức tiên quyết, quan trọng của chính phủ Đức và đây cũng là phương thức mà một số quốc gia khác cũng nhận thức và theo đuổi.

Một điểm đáng chú ý của Báo cáo là đưa ra các chỉ số mang tính thực tiễn cao nhằm đánh giá thế nào là một nền kinh tế xanh như:

Hiệu suất năng lượng

Một chỉ số quan trọng của phát triển bền vững nền kinh tế là hiệu suất năng lượng, biểu thị mối quan hệ giữa GDP và tiêu thụ năng lượng sơ cấp. Thông qua chỉ số này, có thể định tính được chính khoản thu nhập của một thực thể và tổng lượng năng lượng tiêu thụ để đạt được thu nhập của thực thể đó. Đức đặt mục tiêu tăng gấp đôi hiệu suất năng lượng của mình trong 30 năm, từ năm 1990 đến năm 2020. Trong giai đoạn 1999-2010, một số vấn đề tồn tại khi hiệu suất năng lượng tăng lên 39%. Trong 10 năm qua, hiệu suất năng lượng chỉ tăng 1,1%, do đó để đạt được mục tiêu đặt ra đến năm 2020, chỉ số này sẽ phải tăng ít nhất 3,7% mỗi năm.

Hiệu suất sử dụng tài nguyên

Một chỉ số quan trọng khác được đưa ra chính là hiệu suất sử dụng tài nguyên, biểu thị mối quan hệ giữa GDP và sử dụng nguyên liệu thô. Nguyên liệu thô được đề cập trong chỉ số này chính là tất cả các nguyên liệu thô vô cơ được khai thác trong nước và nhập khẩu. Mục tiêu phát triển bền vững của Đức cũng đưa ra những dự báo cho giai đoạn 1994-2020, hiệu suất sử dụng tài nguyên của nước này

tăng gấp đôi. Thực tế, trong giai đoạn 1994-2009 chỉ số này đã tăng 47%. Một cách để tăng hiệu suất sử dụng nguyên liệu thô chính là tăng tuổi thọ của sản phẩm, và tái sử dụng nguyên liệu thành phần khi chúng bị lỗi thời.

Tổng lượng phát thải khí nhà kính

Một chỉ số quan trọng khác là tổng lượng phát thải khí nhà kính. Mục tiêu của Đức là giảm phát thải khí nhà kính xuống 40% trong giai đoạn 2011-2020.

Một số các chỉ số khác

Một chỉ số khác như chuyển đổi mục đích sử dụng đất do đô thị hóa và giao thông, được đo bằng diện tích không gian bị chuyển đổi mục đích sử dụng hàng ngày, và chất lượng không khí, đo bằng tổng lượng phát thải các chất ô nhiễm hàng năm.

- Các nhân tố tác động ngoại lai được cân nhắc đưa vào chi phí thực tế

Việc trợ cấp cho năng lượng tái tạo ở Đức cũng có nhiều ý kiến trái chiều. Một trong số ý kiến trái chiều cho rằng việc trợ cấp này quá tốn kém và do đó đối với các khoản trợ cấp này nên được tính bao gồm trong cả chi phí trực tiếp và gián tiếp, ví dụ như chi phí phát điện. Thông thường các chi phí gián tiếp hầu hết là các chi phí dài hạn. Chẳng hạn như các chi phí về sức khỏe do tác động của phát thải từ các hoạt động kinh tế. Chi phí này không được tính cho chính đối tượng phát thải mà được tính vào chi phí chung của xã hội. Những chi phí này được hiểu là các chi phí ngoài phát sinh từ chính hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không được tính vào chi phí của doanh nghiệp đó. Vì vậy, khi tiến hành so sánh chi phí thực của việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch so với việc sử dụng thay thế bằng năng lượng tái tạo, cần thiết phải có một phương pháp tiếp cận toàn diện, trong đó chi phí thực của từng loại năng lượng tiêu thụ thực tế.

Tuy nhiên, trong thực tế tồn thất đa dạng sinh học không được xét đến như một nhân tố tác động ngoại lai do những khó khăn trong việc tính toán chuyển đổi ra chi phí (bằng tiền). Chẳng hạn như thủy điện sẽ tạo ra chi phí nhiều hơn so với chi phí được hiển thị trên 0,1 cent/kWh do những tác động môi trường, tác động trực tiếp đến sự phá hủy cân bằng hệ sinh thái sông ngòi và mất môi trường sống của nhiều loài và thậm chí cả con người khi tiến hành xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện. Mặt khác, những tác động này nếu đem so sánh với chi phí sử dụng nhiên liệu hóa thạch lại được cho là không đáng kể. Một điểm đáng lưu tâm là chi phí ngoại lai cho việc sản xuất điện từ than đá khoảng 8-9 cent/KWh. Nếu chi phí này được tính vào trong hóa đơn tiền điện thì rõ ràng sử dụng năng lượng tái tạo (chẳng hạn như năng lượng điện gió) sẽ rẻ hơn so với nhiên liệu hóa thạch và hoàn toàn có tính cạnh tranh trên thị trường.

- Lợi ích của Hệ thống Quản lý Môi trường

Hệ thống quản lý môi trường như ISO 14001 hay EMAS không chỉ là những công cụ đánh giá mức độ bảo vệ môi trường nói chung mà còn mang lại lợi ích cho chính doanh nghiệp. Khi triển khai hệ thống quản lý môi trường, việc giảm phát thải sẽ được tự động kiểm soát, bên cạnh đó, chi phí nguyên liệu thô và năng lượng cũng được giảm theo hệ thống. Do đó, việc áp dụng hệ thống quản lý môi trường cũng giúp cải thiện mối quan hệ của doanh nghiệp với tất cả các bên liên quan, và đặt nền tảng cho một doanh nghiệp có thể cạnh tranh và phát triển trong kỷ nguyên mới hạn chế phụ thuộc vào dầu khí và nhiên liệu hóa thạch.

- Phân tích chi phí vòng đời sản phẩm đối với các hoạt động mua sắm công

Mua sắm công hàng năm ở Đức chiếm khoảng 260 tỷ euro. Khi đưa ra đề xuất mua sắm công, các chi phí mua sắm không được tính vào chi phí chung, nhưng chi phí vòng đời sản phẩm nên được xem như một yếu tố quyết định. Tất cả các chi

phí đối với hoạt động mua sắm, sử dụng và xử lý sản phẩm được tính trong chi phí cả vòng đời của sản phẩm.

2.2 Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững

Năm 2002, Đức đã thông qua Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững “Triển vọng cho nước Đức – Chiến lược phát triển bền vững”, coi bền vững một nguyên tắc định hướng cho các chính sách quốc gia. Chiến lược phát triển bền vững được xây dựng với các mục tiêu cụ thể và các chỉ số phát triển bền vững, được đánh giá trong báo cáo thường xuyên về phát triển bền vững. Đức cũng đã đưa ra các sáng kiến liên ngành lớn về đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, năng lượng và hiệu quả tài nguyên.

Chiến lược phát triển bền vững đóng vai trò như kim chỉ nam cho một chương trình nghị sự bền vững và toàn diện, đảm bảo hài hòa phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo cân bằng sinh thái cho các thế hệ mai sau. Tính đến thời điểm hiện này đã có 03 báo cáo đánh giá chuyên sâu, đánh giá về tình hình thực hiện chiến lược phát triển bền vững ở Đức. Thông qua các báo cáo này, chiến lược phát triển bền vững tiếp tục được cập nhật, hoàn thiện. Báo cáo năm 2012 đưa ra một cái nhìn tổng quan, trong đó nguyên tắc phát triển bền vững được phản ánh rõ nét qua các chính sách của liên bang. Cụ thể, phát triển bền vững dựa trên 04 nguyên tắc: đảm bảo công bằng giữa các thế hệ, chất lượng cuộc sống, gắn kết xã hội, trách nhiệm quốc tế. Phát triển bền vững đòi hỏi phương pháp tiếp cận toàn diện và lồng ghép dựa trên 3 khía cạnh được cân nhắc trong bối cảnh toàn cầu.

Quản lý phát triển bền vững cũng được đưa ra như một khái niệm bao gồm 10 nguyên tắc quản lý và các yêu cầu liên quan, các chỉ số chính cho 21 lĩnh vực hành động liên quan trực tiếp tới 38 mục tiêu mà hầu hết các chỉ số có thể định lượng được.

Chương trình nghị sự 2030 vì phát triển bền vững được phê chuẩn vào tháng 6/2016 vừa qua là tiền đề cho nước Đức đề xuất khung chiến lược phát triển bền vững mới và cập nhật nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững do liên hợp quốc đề ra.

Một trong những chính sách hiệu quả hướng tới phát triển bền vững quốc gia của Đức chính là gói chính sách thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ. Sản xuất các sản phẩm hữu cơ thân thiện với môi trường và bảo tồn bền vững tài nguyên, góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học cũng như tạo việc làm cho khu vực nông thôn. Một số chính sách về thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ, cụ thể gồm Luật canh tác hữu cơ được phê chuẩn vào tháng 7 năm 2002 và được điều chỉnh cho phù hợp với luật EU sửa đổi, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 nhằm cải thiện và thúc đẩy phát triển thực phẩm nông nghiệp hữu cơ và các hình thức khác của nông nghiệp bền vững ở Đức. Các cơ quan chức năng của Đức đã đưa ra một loạt các giải pháp khác nhau áp dụng cho tất cả các khâu của chuỗi sản xuất từ sản xuất nông nghiệp, thu hoạch và xử lý đến hoạt động thương mại, tiếp thụ và người tiêu dùng như Giải pháp hỗ trợ tài chính trong khâu sản xuất hữu cơ ở các nông trại gồm gói hỗ trợ tài chính để chuyển đổi và duy trì canh tác hữu cơ, hỗ trợ tài chính cho giáo dục về canh tác hữu cơ; Triển khai các dịch vụ tư vấn về canh tác hữu cơ, hỗ trợ quá trình sản xuất hữu cơ; Quảng bá và chế biến sản phẩm hữu cơ; Tiêu dùng sản phẩm hữu cơ ngoài hộ gia đình; Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Một số kết quả đạt được: tính đến cuối năm 2014, tại Đức đã có 23.398 công ty sản xuất hữu cơ canh tác trên 1.047.633 ha đất hữu cơ phù hợp với luật pháp của EU về canh tác hữu cơ, chiếm khoảng 6,3% tổng diện tích nông nghiệp sử dụng. Theo số liệu thống kê, tính toán của Bộ Nông nghiệp và Lương thực của Đức thì trung bình mỗi trang trại hữu cơ thử nghiệm đã thu lợi nhuận trên mỗi đơn

vị lao động trong năm thị trường 2013/14 là 32.709 Euro, tăng 6% so với năm trước đó, mặc dù vẫn thấp hơn so với trang trại truyền thống khoảng 10%.

2.3. Chương trình hiệu quả tài nguyên

Chương trình hiệu quả tài nguyên được phê chuẩn ngày 29/2/2012, chính quyền liên bang cam kết thực hiện báo cáo 4 năm/lần về thực hiện hiệu quả tài nguyên của Đức, đánh giá tiến trình và cập nhật chương trình. Bản cập nhật đầu tiên của chương trình với tên gọi Chương trình hiệu quả tài nguyên của Đức lần thứ II đã được phê chuẩn vào ngày 2/3/2016.

Mục tiêu của chương trình hiệu quả tài nguyên của Đức hướng tới khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững và thúc đẩy trách nhiệm của thế hệ hiện tại đối với thế hệ tương lai cũng như góp phần đảm bảo nền tảng thiên nhiên cho một cuộc sống lâu dài. Trong bối cảnh như vậy, chính phủ liên bang Đức phấn đấu thúc đẩy tăng trưởng gắn kết với việc tiêu thụ tài nguyên hợp lý nhằm giảm gánh nặng môi trường do việc khai thác tài nguyên, đồng thời tăng cường tính cạnh tranh cho chính nền công nghiệp của Đức, qua đó thúc đẩy việc làm bền vững và gắn kết xã hội. Các biện pháp thực hiện thử nghiệm và các ưu đãi tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong chương trình này. Chính sách hiệu quả tài nguyên của Đức cũng hướng tới việc giúp Đức hiện thực hóa trách nhiệm toàn cầu đối với các tác động xã hội và sinh thái từ việc sử dụng tài nguyên. Mục tiêu đặt ra là phải giảm thường xuyên tổng thể tiêu thụ tài nguyên ở Đức.

Báo cáo tiến trình thực hiện phát triển bền vững lần thứ II của Đức đặt trọng tâm vào sử dụng nguyên liệu thô hữu cơ và vô cơ. Việc sử dụng nguyên liệu thô gắn kết với việc sử dụng các tài nguyên khác như nước, không khí, đất, đa dạng sinh học và hệ sinh thái.

Bên cạnh đó, các chỉ số và mục tiêu cũng được đánh giá và mở rộng. Chương

trình hiệu quả tài nguyên sau khi đánh giá và cập nhật tiếp tục tập trung vào các ưu đãi thị trường, thông tin, tư vấn, giáo dục, nghiên cứu và sáng tạo và tăng cường các biện pháp và sáng kiến tự nguyện, trong đó bao gồm tư vấn hiệu quả cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ hệ thống quản lý môi trường, tích hợp các khía cạnh tài nguyên vào quá trình tiêu chuẩn kỹ thuật, đặt trọng tâm nhiều hơn vào các sản phẩm và dịch vụ tài nguyên hiệu quả trong mua sắm công, tăng cường nhãn mác sản phẩm tự nguyện, chứng nhận hệ thống và tăng cường quản lý chu trình khép kín, lồng ghép hiệu quả sử dụng tài nguyên trong thể chế và tiến trình thực hiện của EU và quốc tế.

Thông qua các chương trình này, hiệu quả sử dụng năng lượng, tài nguyên và phát triển kinh tế các-bon của Đức đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Theo Đánh giá môi trường của OECD, Đức đã đạt được một trong những mức cao nhất về năng suất tài nguyên trong các nước OECD và là một trong số ít các quốc gia đạt được giảm phát thải khí nhà kính hoàn toàn, trong khi GDP tiếp tục tăng trong phần lớn những năm 2000.

Đồng thời, chính sách tăng trưởng xanh của Đức đã tạo một động lực quan trọng cho sự đổi mới về môi trường và ra đời hàng hóa, dịch vụ môi trường cạnh tranh quốc tế và khu vực. Văn phòng thống kê liên bang ước tính doanh thu của ngành hàng hóa và dịch vụ môi trường (EGS) ở Đức đóng góp khoảng 2% GDP trong năm 2009, chủ yếu là do sự phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, thực hiện bởi hệ thống thuế quan nhằm đảm bảo nguồn năng lượng tái tạo có giá bán ưu đãi và tạo điều kiện tiếp cận lưới điện. Theo xu hướng gia tăng trên thị trường toàn cầu đối với năng lượng nhiệt mặt trời, pin mặt trời và năng lượng gió trong thập kỷ tới, EGS được đánh giá chính là một lực lượng quan trọng của tăng trưởng kinh tế và việc làm ở Đức.

2.4. Chính sách khí hậu quốc gia

Các nhà hoạch định chính sách và ngành công nghiệp ở Đức sử dụng tổng hợp các giải pháp và công cụ triển khai thực hiện hành động khí hậu. Thực hiện cam kết Kyoto và các mục tiêu của cộng đồng quốc tế về việc hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức dưới 2°C so với mức trước thời kỳ công nghiệp, Đức đã cần nhắc các bước đóng góp giảm phát thải khí nhà kính. Các mục tiêu của chính phủ Đức giảm phát thải tối thiểu 40% vào năm 2020 và 80-90% đến năm 2050 so với mức năm 1990 thông qua việc phát triển năng lượng tái tạo và thúc đẩy sử dụng hiệu quả năng lượng. Các mục tiêu này đã đề cập chi tiết trong “khái niệm năng lượng 2010”. Ở Đức, một loạt các công cụ chính sách nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu khí hậu. Cùng với các cơ chế quốc tế như buôn bán phát thải, các chính sách chủ yếu của Đức hướng tới một xã hội không phát thải thể hiện dưới các luật và các văn bản dưới luật cũng như các chương trình. Chính sách khí hậu chủ động cũng tạo ra các cơ hội kinh tế cho nước Đức. Đầu tư vào các hành động khí hậu và sử dụng hiệu quả năng lượng giúp các công ty của Đức cạnh tranh hơn và phù hợp với xu thế tương lai hơn, cũng như giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng.

2.4.1 Chương trình hành động khí hậu 2020 của Đức

Chương trình hành động khí hậu được ban hành ngày 3/12/2014, nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu đặt ra về cắt giảm khí nhà kính. Theo những dự báo mới nhất, nếu không triển khai các chương trình mới thì mục tiêu của Đức sẽ bị giảm xuống 5-8%. Do đó, đây chính là gói các giải pháp chính sách toàn diện nhất từ trước tới nay của chính phủ về khí hậu.

Chính phủ Đức cũng đưa các nguyên tắc của phát triển bền vững, đó là thực hiện trách nhiệm hướng tới các thế hệ tương lai. Theo đó, chính sách khí hậu có trách nhiệm phải luôn luôn dựa vào 2 cực. Thứ nhất, chính sách khí hậu phải là

một nhân tố đảm bảo sự nóng lên toàn cầu bình quân không vượt quá 2 độ C. Thứ hai, chính sách phải nhận biết được các rủi ro và chuẩn bị ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu sẽ xảy ra khi kịch bản nóng lên toàn cầu ở mức vừa phải.

Chương trình hành động khí hậu 2020 bao gồm 100 giải pháp riêng lẻ được thiết kế nhằm bảo đảm mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính ở Đức tối thiểu 40% so với mức năm 1990 vào năm 2020. Chính phủ Đức cũng quyết định giám sát việc thực hiện các giải pháp chính sách đề ra trong chương trình và ban hành báo cáo hành động khí hậu hàng năm, trong đó có chi tiết tiến trình thực hiện, xu thế phát thải mới nhất và các giả định giảm phát thải.

2.4.2 Kế hoạch hành động một nước Đức không phát thải khí nhà kính vào năm 2050

Để đạt được các thỏa thuận khí hậu Paris 2015, chính quyền liên bang của Đức phê duyệt kế hoạch hành động một nước Đức không phát thải vào năm 2050 vào hè năm 2016. Để thực hiện kế hoạch hành động khí hậu dài hạn được sự chấp thuận của xã hội và doanh nghiệp, chính quyền liên bang đã cho tham vấn cộng đồng vào mùa hè năm 2015. Các cấp chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp cũng như người dân, các tổ chức xã hội được khuyến khích đề xuất giải pháp chiến lược cho chính phủ nhằm đạt được các mục tiêu khí hậu dài hạn. Chính quyền liên bang sẽ cân nhắc các đề xuất khi dự thảo kế hoạch hành động 2050 và có ý kiến hợp lý với các đề xuất. Chính quyền liên bang sau đó sẽ đánh giá định kỳ và cập nhật vào kế hoạch.

2.5. Kế hoạch hành động quốc gia về hiệu quả năng lượng

Ý thức hơn về vấn đề sử dụng điện và hệ thống làm nóng hiệu quả giúp tiết kiệm chi phí đồng thời cải thiện an ninh điện lưới và thực hiện các mục tiêu khí hậu, chương trình hiệu quả năng lượng đã tạo ra lưỡng cực trong mở rộng năng

lượng tái tạo trong chuyển đổi năng lượng ở Đức. Mục tiêu của kế hoạch là giảm được 20% tiêu thụ năng lượng quan trọng tới năm 2020 so với năm 2008 và giảm một nửa vào năm 2050.

Để đạt được mục tiêu này, chính quyền liên bang đã ban hành một chiến lược toàn diện vào ngày 3/12/2014 về Kế hoạch hành động quốc gia về sử dụng năng lượng hiệu quả (NAPE). Tất cả các giải pháp của NAPE gắn kết theo một nguyên tắc chung: cung cấp thông tin – hỗ trợ và hành động theo cung thị trường.

2.6. Các chính sách phát triển kinh tế xanh

Các định hướng phát triển kinh tế xanh của Đức cũng tuân theo một định hướng phát triển chung của các nước EU đó là “Chiến lược Châu Âu 2020”. Chiến lược này đặt ra mục tiêu quan trọng là tạo việc làm, gắn kết xã hội và phát triển bền vững. Với nguồn ngân sách đầu tư hơn 105 tỉ Euro cho tăng trưởng xanh mà EU đưa ra trong chương trình dài hạn “Chính sách gắn kết Châu Âu” được ban hành tháng 3/2009 đã thể hiện rõ quyết tâm thực hiện phát triển kinh tế xanh của khối này. Trước đó, EU đã chi hơn 30 tỉ Euro cho các dự án phát triển kinh tế xanh tại các nước thành viên của khối này. Năm 2008, gói kích thích kinh tế năng lượng, khí hậu của EU dành khoảng 15% cho đầu tư trong năm lĩnh vực trọng yếu là (1) tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà cũ và mới; (2) Công nghệ năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, địa nhiệt và sinh khối; (3) Công nghệ giao thông vận tải bền vững, ví dụ như đường sắt cao tốc và hệ thống xe buýt vận chuyển cao tốc (4) Cơ sở hạ tầng sinh thái của hành tinh, bao gồm nước ngọt, rừng, đất và các rạn san hô; (5) Bền vững nông nghiệp, bao gồm cả sản xuất hữu cơ.

Trong Khái niệm năng lượng quốc gia, Đức đã xây dựng hướng dẫn nguồn cung cấp năng lượng thân thiện với môi trường, đáng tin cậy và định giá hợp lý và

tiếp tục mở rộng hướng dẫn cho sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Trong sản xuất điện, Đức đặt mục tiêu nâng tỷ lệ năng lượng tái tạo từ 17% lên hơn 80% vào năm 2050, trong khi từng bước loại bỏ hoàn toàn sản xuất điện từ các nhà máy điện hạt nhân vào năm 2022. Cắt giảm khí nhà kính (GHG) xuống 40% vào năm 2020 và ít nhất 80% vào năm 2050. Trong lĩnh vực năng lượng hiệu quả, Đức dự định để giảm tiêu thụ năng lượng sơ cấp bằng 20% năm 2020 và 50% vào năm 2050 so với mức tiêu thụ năm 2008. Nhìn chung, “khái niệm năng lượng” bao gồm hơn 100 biện pháp cụ thể trong lĩnh vực điện, nhiệt và vận chuyển.

Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo được coi như là một lĩnh vực điển hình của Đức trong triển khai kinh tế xanh. Giống như nhiều nước trên thế giới, Đức đã thực hiện chiến lược chuyển đổi hệ thống năng lượng thành “Nền kinh tế năng lượng xanh”. Mục tiêu tổng quát của việc chuyển đổi này là để giảm phát thải khí nhà kính và giảm sự phụ thuộc lớn vào nhập khẩu năng lượng.

Năm 2009, một phần chủ yếu của luật năng lượng tái tạo đã được thông qua như là gói chính sách tổng thể năng lượng và khí hậu. Hướng dẫn năng lượng tái tạo của Liên minh châu Âu yêu cầu mỗi nước thành viên tăng thị phần năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, sinh khối, hoặc thủy điện trong tổng năng lượng tiêu thụ từ 8,5% năm 2010 lên 20% năm 2020 trên tất cả các lĩnh vực (như phát điện, sưởi ấm và làm mát, và các nhiên liệu vận chuyển).

Tuy nhiên, ở Đức, loại bỏ dần điện hạt nhân vào năm 2020 được đưa ra sau vụ tai nạn Fukushima, do đó đã gia tăng áp lực về thời gian và thách thức trong quá trình chuyển đổi. Hay nói cách khác, đây là cách thức chuyển đổi điện hạt nhân và nhiệt liệu hydrocarbon trong sơ đồ sử dụng điện truyền thống. Để phá vỡ sự phụ thuộc của hệ thống năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo, được thúc đẩy bởi

các chương trình hỗ trợ tài chính khác nhau. Hiện nay “khái niệm năng lượng hiện tại” của Đức hướng tới mục đích chuyển đổi toàn bộ hệ thống năng lượng ('Energiewende') thành ngành năng lượng không các bon và phi hạt nhân vào năm 2050. Cùng với việc chuyển đổi toàn bộ hệ thống năng lượng, chính phủ Đức có giới thiệu bộ chỉ tiêu hiệu quả năng lượng đầy tham vọng. Tiêu thụ năng lượng thứ cấp sẽ được giảm 20% vào năm 2020 và 50% vào năm 2050 so với mức của năm 2008. Ở cấp độ châu Âu, Đức Chính phủ đã cam kết đạt các mục tiêu của EU như giảm 20% mức tiêu thụ năng lượng vào năm 2020 và 27% vào năm 2030 so với dự đoán năng lượng EU.

Luật về năng lượng tái tạo của CHLB Đức đã được thông qua tháng 9 năm 2000, đã đặt ra một khung chính sách chung cho năng lượng của Đức đến năm 2050 và Kế hoạch hành động quốc gia về năng lượng tái tạo. Chính sách năng lượng tái tạo đặt ra các mục tiêu tham vọng trung hạn và dài hạn về giảm mức tiêu thụ năng lượng 20% vào năm 2020 so với mức tiêu thụ thiết yếu năm 2008 và ít nhất 50% vào năm 2050; tỉ lệ năng lượng tái tạo chiếm 18% mức tiêu thụ năng lượng vào năm 2020 và ít nhất 80% điện năng tiêu thụ trong năm 2050; tiết kiệm hơn 20% năng lượng các hoạt động làm ấm, sưởi vào năm 2020, giảm 80% tiêu thụ năng lượng sơ cấp đến năm 2050, xây dựng tòa nhà thân thiện với khí hậu và tăng gấp đôi tốc độ hiện đại hóa năng lượng lên 2% mỗi năm; tăng sản xuất năng lượng bình quân 2,1% tới năm 2050.

2.7 Những kết quả đạt được

2.7.1 Lĩnh vực năng lượng tái tạo

Đức được xem như là một điển hình về việc mở rộng khai thác và sử dụng hiệu quả năng lượng tái tạo. Thị phần năng lượng tái tạo trong tổng sơ đồ sản xuất điện năng đã tăng từ 6% năm 2000 lên 16% năm 2009. Theo từng giai đoạn cụ thể,

Chính phủ Đức đã điều chỉnh các mục tiêu quốc gia trước đây gấp hai lần, trong đó các mục tiêu được chính phủ đưa ra trước đây đã đạt vượt kế hoạch. Chính phủ Đức đặt kỳ vọng thị phần điện năng lượng tái tạo vào năm 2020 đã đạt 38% và tiếp tục định hướng chuyển đổi năng lượng Đức thành một hệ thống năng lượng dựa hoàn toàn vào các nguồn năng lượng tái tạo trong tương lai.

Những lợi ích kinh tế của việc phát triển năng lượng tái tạo ở Đức thực sự ấn tượng. Năm 2010, chỉ riêng ngành năng lượng tái tạo đã tạo ra khoảng 340.000 việc làm, hầu hết từ năng lượng sinh khối, năng lượng gió và năng lượng mặt trời so với ngành công nghiệp than non chỉ tạo ra 50.000 việc làm từ các hoạt động khai thác mỏ cho tới các nhà máy điện. Chính sách quan trọng đóng góp cho thành công này chính là đạo luật năng lượng tái tạo, ban hành vào tháng 4/2000.

Chính sách giá ưu đãi năng lượng tái tạo được lồng ghép vào trong khung chính sách năng lượng và khí hậu nhằm thúc đẩy các công nghệ sử dụng hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo, bao gồm các luật khuyến khích các nhà máy điện và nhiệt điện, hệ thống buôn bán phát thải, cải cách thuế năng lượng, và một số biện pháp khác. Tiếp đến sẽ là việc sửa luật nhằm khuyến khích năng lượng tái tạo tiếp cận hòa lưới điện và cải thiện điện lưới, năng lượng gió ngoài khơi, và các công nghệ quản lý điện giờ cao điểm và trữ điện.

- Gia tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng nguồn năng lượng cung cấp hàng năm

Năm 2014, năng lượng tái tạo đã cung cấp khoảng 160,6 tỉ kwh tương đương 26,6% tổng lượng điện năng của Đức. Tỷ lệ tiêu thụ điện năng từ năng lượng tái tạo đã tăng từ 5% những năm 1990 lên 27,8% năm 2014.

- Giảm phát thải khí nhà kính

Theo thống kê của Đức, việc sử dụng năng lượng tái tạo ở Đức đã giúp cắt

giảm một lượng đáng kể khí nhà kính qua các năm. Năm 2011, tổng lượng phát thải khí nhà kính giảm được từ việc thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo là 129,3 triệu tấn CO₂. Năm 2014 tổng lượng này đã tăng lên 148 triệu tấn.

Bảng 1 Tổng lượng phát thải khí nhà kính giảm được do sử dụng năng lượng tái tạo năm 2011

| Lĩnh vực | Lượng phát thải khí nhà kính giảm (Tương đương triệu tấn CO ₂) |
|---------------------|---|
| Thủy điện | 15,5 |
| Năng lượng gió | 34,2 |
| Sinh khối | 24,7 |
| Quang điện | 12,9 |
| Địa nhiệt | 35,4 |
| Năng lượng mặt trời | 1,8 |
| Năng lượng sinh học | 4,8 |

Nguồn: Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội, 2016

- Tạo ra nhiều việc làm mới từ thúc đẩy năng lượng tái tạo

Đến năm 2013, thúc đẩy năng lượng tái tạo ở Đức đã tạo ra gần 371.400 việc làm, tập trung chủ yếu vào năng lượng gió, mặt trời và sinh khối. Đức hiện là quốc gia hàng đầu EU trong việc tạo việc làm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Bảng 2 Số việc làm tạo ra từ lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Đức

| Lĩnh vực | Số việc làm được tạo ra theo lĩnh vực (nghìn việc làm) |
|----------------|---|
| Thủy điện | 13 |
| Năng lượng gió | 138 |
| Sinh khối | 52 |

| | |
|---------------------|----|
| Quang điện | 56 |
| Địa nhiệt | 17 |
| Năng lượng mặt trời | 27 |
| Năng lượng sinh học | 49 |

Nguồn: Nghiên cứu Châu Âu 2016 (Xuân, 2016)

- Khuyến khích hạ tầng xanh

Đức là quốc gia hàng đầu trong việc triển khai sáng tạo và ứng dụng công nghệ xanh nhằm cải thiện môi trường đô thị. Các công nghệ này cũng có thể là hạ tầng xanh hoặc phát triển các-bon thấp, bao gồm các công nghệ mái nhà xanh, mặt tiền xanh và vỉa hè có khả năng thẩm thấu. Những sáng tạo được mô phỏng dựa trên quá trình tự nhiên của đất và thực vật nhằm cung cấp “dịch vụ môi trường” như quản lý nước mưa sau bão, làm mát đô thị và nơi cư trú, thậm chí có thể áp dụng ở các khu vực đô thị mật độ dân cư đông. Rõ ràng, việc gia tăng mái nhà xanh và hạ tầng xanh khác ở Đức được hỗ trợ tổng hợp các chính sách ưu đãi và các quy định của chính quyền các cấp. Đáng kể đến là luật bảo vệ thiên nhiên liên bang và mã hóa các tòa nhà yêu cầu “mức bồi thường”, hoặc phục hồi đối với những hư hại do con người gây ra đối với cảnh quan thiên nhiên và dịch vụ môi trường trong phát triển lĩnh vực xanh (phát triển trên vùng đất chưa khai thác trước đây). Trong nhiều trường hợp, kỹ thuật hạ tầng xanh có thể được sử dụng đáp ứng các yêu cầu này. Luật liên bang cũng yêu cầu các bang của Đức phải tạo lập các kế hoạch tạo phong cảnh. Do vậy, các bang ở Đức đã sáng kiến một loạt các phương pháp tiếp cận bảo vệ môi trường, nhiều trong số đó có sự tham gia của các thành tố lúc đầu được ưu đãi và sau yêu cầu bắt buộc phải kiến tạo và bảo hành cơ sở hạ tầng xanh.

Hơn nữa, một loạt tòa án bang và liên bang ở Đức quy định ngay từ những

năm 1970 yêu cầu sự minh bạch và cấu trúc tỷ lệ công bằng của các dịch vụ nước từ mưa bão. Do vậy, phần đa các hộ gia đình ở Đức phải trả phí cho dịch vụ nước mưa bão dựa trên một ước tính chi phí nước mưa bão phát sinh trong khuôn khổ gia đình mình. Từ khi phương pháp đánh giá lô đất cá nhân được sử dụng để đánh giá các phí liên quan trực tiếp tới các điều kiện trong từng thửa đất cụ thể, và do các quyết định sử dụng đất (như làn sóng đường dẫn xe vào nhà hay lắp đặt mái xanh) có tác động chủ yếu tới tổng lượng nước mưa giữa lại trong mỗi thửa đất hoặc căn nhà. Phương pháp tiếp cận này tạo ra các ưu đãi cho các cá nhân trong việc hợp tác cơ sở hạ tầng xanh trên tài sản đất của họ.

Ở Berlin, sự tham gia của cộng đồng trong việc đánh giá IPA đã được ghi nhận thông qua việc cải thiện nhận thức cộng đồng trong kết nối giữa các quyết định sử dụng đất trên chính tài sản của họ với các vấn đề môi trường trong các sông, hồ của khu vực dân cư sinh sống. IPA cũng cung cấp thông tin không gian chi tiết bề mặt không thấm và kết nối với hệ thống công thoát nước mưa bão. Các thông tin này có thể cải thiện công tác lập kế hoạch lưu vực sống và phát triển các mô hình thiết kế tối ưu hóa hiệu quả của các hệ thống công hiện tại.

- Thực hiện giao thông bền vững

Chính quyền liên bang, các bang và các cấp cơ sở ở Đức xác định thực hiện phát triển hệ thống giao thông xanh, bền vững. Các loại thuế xăng dầu liên bang, thuế bán xăng dầu và các quy định áp dụng thuế cáo đối với đối tượng sử dụng và sở hữu xe máy và khuyến khích gia tăng nhu cầu sử dụng xe ô tô nhỏ ít gây ô nhiễm môi trường. Năm 2008, thuế buôn bán xe máy ở Đức cao gấp 3 lần ở Mỹ, và thuế xăng dầu gấp 9 lần. Tuy nhiên, thuế xăng dầu không áp dụng cao hơn đối với các chi phí giao thông của các hộ gia đình.

Người dân Đức cũng sở hữu ít xe ô tô hơn và các xe thường sử dụng năng

lượng hiệu quả hơn. Do vậy, giao thông chiếm khoảng 14% chi phí của các hộ gia đình ở Đức. Chính phủ liên bang Đức cung cấp một quỹ đầu tư cho giao thông công cộng địa phương. Quỹ này hỗ trợ cải thiện giao thông địa phương thông qua hỗ trợ các dự án về phương tiện giao thông công cộng, đường đi bộ và phát triển xe đạp. Các bang của Đức phân bổ các quỹ liên bang vào cải thiện hệ thống đường sắt khu vực và điều phối các dịch vụ giao thông công cộng toàn bang. Nhiều bang ở Đức đặt ra yêu cầu tối thiểu chỗ đỗ xe trong quy hoạch phát triển địa phương. Chính quyền bang và liên bang đưa ra khung giao thông bền vững hơn, nhưng các thành phố đóng vai trò quan trọng trong phát triển và thực hiện các chính sách đổi mới, sáng tạo.

3. Một số bài học về thực hiện kinh tế xanh ở Đức

3.1 Thực hiện phát triển bền vững

Trong quá trình thực hiện phát triển bền vững ở Đức, chính phủ kêu gọi các đề xuất, đặc biệt trước khi sửa luật và khuyến khích đối thoại với các bên liên quan và các đảng. Điều này tạo cơ hội cho chính phủ giải thích rõ hơn về các đề xuất giải pháp chính sách cũng như cho phép các bên liên quan tham gia đóng góp ý tưởng, phản hồi ý kiến với các đề xuất của chính phủ và gợi ý cải thiện chính sách. Chính việc đối thoại chính sách giữa chính phủ và các bên liên quan giúp cải thiện chất lượng của các hành động chính sách của chính phủ và gia tăng sự chấp nhận của công chúng đối với các quyết định của chính phủ.

Để xây dựng chiến lược phát triển bền vững trong bối cảnh mới, nhiều cuộc đối thoại công khai đã được tổ chức ở Đức, các bộ trưởng từ các bang ở Đức, thư ký các bang và các đại diện chính quyền liên bang, các bang và các cấp ở địa phương được khuyến khích tham gia cùng với lĩnh vực tư nhân, học thuật và các tổ

chức xã hội dân sự cùng thảo luận về các yêu cầu cho chiến lược mới.

Trong nhiều năm, chính phủ Đức cũng tổ chức đối thoại 3-4 lần trong năm, trong các cuộc đối thoại đó các ý tưởng và thông tin về chương trình nghị sự phát triển bền vững quốc tế với đại diện là các tổ chức phi chính phủ, nhà thờ, chính quyền địa phương, cộng đồng khoa học và học thuật cũng như lĩnh vực tư nhân cùng được đưa ra trao đổi.

3.2 Chính sách hiệu quả tài nguyên

Việc phê duyệt Chương trình hiệu quả tài nguyên của Đức đã đánh dấu một sự khởi đầu một quá trình thúc đẩy hiệu quả tài nguyên và đề ra một khung hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực này. Điều này đóng vai trò quan trọng trong thực hiện các chính sách đề ra trong chương trình, và cũng đòi hỏi sự sáng tạo cao hơn nữa của nhiều người, trong đó các bên tham gia hợp tác chặt chẽ với các nhà hoạch định chính sách, ngành công nghiệp, khoa học và xã hội dân sự. Chương trình cũng đòi hỏi phải có sự cam kết của cộng đồng. Đây là một chương trình mang tính khuyến khích cao, đóng góp đáng kể thực hiện trọng tâm hơn nữa vào việc sử dụng tài nguyên trong các chính sách môi trường và thúc đẩy nhiều sáng kiến trong lĩnh vực này.

3.3 Lĩnh vực năng lượng

3.3.1 Chính sách thuế năng lượng

Ở nhiều quốc gia có quy trình lập pháp khác nhau, việc áp dụng cải cách thuế năng lượng có thể khó áp dụng thực tế. Tuy nhiên, thâm hụt ngân sách của Đức ngày càng tăng cũng tác động đáng kể tới sự thay đổi quan điểm của các bên chính trị ở Đức, đặc biệt là những người đã từng phản bác thuế môi trường. Do vậy, việc tăng nguồn thu từ chính thuế năng lượng vô hình chung đã có những bước thuận

lợi đáng kể từ chính những lý do và lợi ích của cải cách thuế mang lại, đặc biệt là sự gia tăng chi phí năng lượng.

Kinh nghiệm cho thấy, nếu thực hiện tốt công tác truyền thông kết hợp với việc trao đổi chặt chẽ cởi mở dưới nhiều hình thức trong các tầng lớp nhân dân ngay từ những giai đoạn sơ khai thực hiện cải cách thuế có thể sớm làm giảm bớt những ý kiến trái chiều. Hơn nữa, việc định hình cải cách thuế như một loại thuế thúc đẩy bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế thân thiện với môi trường sẽ có thể tránh được những xung đột xảy ra. Việc tập trung vào đổi mới và lợi ích trong việc tạo ra công ăn việc làm từ chính cải cách thuế cũng coi như là một chiến lược phù hợp với Đức trong giai đoạn này. Và rõ ràng, thực hiện quy trình áp dụng cải cách thuế minh bạch và có lộ trình đóng vai trò quan trọng trong việc các chính sách cải cách thuế bước đầu được chấp nhận. Những kết quả tích cực trong việc thực hiện cải cách thuế chính là một bài học kinh nghiệm hay của Đức cho các quốc gia khác trên thế giới nghiên cứu, học hỏi và áp dụng phù hợp với hoàn cảnh của mình. Trái với những lo ngại ban đầu khi đề xuất cải cách thuế, việc thay đổi hành vi và thực hiện đổi mới do tác động từ việc tăng giá năng lượng thực chất đã củng cố nền kinh tế Đức. Các công nghệ sử dụng hiệu quả năng lượng tính đến thời điểm hiện tại đang chính là những sản phẩm xuất khẩu phát triển mạnh của Đức. Hơn nữa, khuyến khích giảm sử dụng năng lượng đã tăng khả năng thích ứng của nền kinh tế nước này đối với sự biến động về giá xăng dầu thế giới. Nhìn chung, hiệu quả lớn hơn cả đối với nền kinh tế của Đức chính là hạ mức chi phí năng lượng thấp hơn cho các hộ gia đình và ngành công nghiệp. Mặc dù mức thuế suất năng lượng cao hơn đáng kể, các hóa đơn thông thường và các khoản chi phí tiêu thụ nhiên liệu bình quân của Đức có xu hướng tương đương hoặc thấp hơn các khoản chi tương tự ở Mỹ. Cơ quan Môi trường Liên bang đã kết luận, Luật Cải cách thuế sinh thái đã thực hiện đúng tôn chỉ đưa ra ban đầu đó là điều kiện lao

động được cải thiện hơn và bền vững hơn và góp phần làm nên khái niệm "cân bằng kinh tế vĩ mô tích cực" của nền kinh tế Đức.

3.3.2 Chính sách hiệu quả năng lượng

NAPE giúp thúc đẩy sự tham gia của tất cả các thành phần xã hội thực hiện việc sử dụng năng lượng kinh tế hơn từ các chính quyền địa phương, doanh nghiệp cho tới người tiêu dùng. Người dân, doanh nghiệp và các cơ quan chính quyền địa phương chỉ có thể cải thiện việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả khi họ thực sự biết được họ có thể tiết kiệm tiền ở đâu.

NAPE cũng nhấn mạnh vào việc cung cấp thông tin và tư vấn. Một ưu tiên nữa đó chính là đẩy mạnh các ưu đãi đầu tư sử dụng hiệu quả năng lượng. Bên cạnh việc ban hành các ưu đãi thuế đối với các giải pháp hiệu quả năng lượng trong các tòa nhà dân cư, và các khoản hỗ trợ đặc biệt cho các phương tiện sử dụng điện thương mại.

Các nguyên tắc của NAPE chính là kêu gọi ngành công nghiệp đóng góp trong việc sử dụng hiệu quả năng lượng. Kế hoạch hành động quy định bắt buộc cho các doanh nghiệp thực hiện kiểm toán năng lượng và hình thành các tiêu chuẩn áp dụng cho các tòa nhà và các trạm lắp máy. Có gần 500 doanh nghiệp, mạng lưới sử dụng năng lượng hiệu quả được trông đợi sẽ đề ra mục tiêu kết hợp sử dụng năng lượng hiệu quả của mình và triển khai các mục tiêu theo từng nhóm giải pháp.

3.3.3 Một số vấn đề khác

Để thực hiện xanh hóa nền kinh tế, chính phủ Đức đã khuyến khích người dân tham gia vào quá trình thúc đẩy kinh tế xanh ở tất cả các cấp, thúc đẩy các sáng kiến xanh trong không chỉ sản xuất mà trong cả nghiên cứu và phát triển, trong giai

đoạn giới thiệu sản phẩm ra trường, và thông qua việc chuyển giao công nghệ cho các quốc gia khác. Việc theo đuổi một nền kinh tế xanh cũng đòi hỏi các công ty tham gia vào thực hiện xanh hóa nền kinh tế cần thiết phải đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực của mình. Bản thân các ngân hàng của Đức cũng cần thiết phải xây dựng một mô hình tài chính dễ tiếp cận hơn cho những nhà đầu tư trong lĩnh vực kinh tế xanh. Để hiện thực hóa được xanh hóa nền kinh tế, việc đưa ra một khung chính sách là rất cần thiết, cho phép tất cả các bên liên quan cùng có một cách tư duy và nhận thức về phát triển nền kinh tế xanh.

- Ưu tiên lựa chọn các dự án có sự đồng thuận nhất trí cao. Thực hiện thí điểm chính sách và sau đó nhân rộng mô hình ở các phạm vi rộng hơn.

- Triển khai chính sách trong thực tế và điều chỉnh các mục tiêu chính sách thường xuyên.

- Đồng bộ hóa hệ thống giao thông từ vận tải, xe đạp và các giải pháp thay thế xe máy bằng việc khuyến khích đường dành cho người đi bộ và tăng chi phí đi lại bằng xe ô tô. Cải thiện chất lượng và dịch vụ của các hình thức vận tải thay thế và triển khai các biện pháp giảm sử dụng xe ô tô.

- Sự tham gia của người dân là một nhân tố chính trong lập kế hoạch giao thông và sử dụng đất.

- Thực hiện thay đổi giao thông vận tải, hệ thống sử dụng đất và hành vi giao thông.

Tài liệu tham khảo

1. Germany Green growth in action: OECD, 2016
2. BMUB - The Federal Ministry for the Environment, Nature Conservation, Building and Nuclear Safety. 2016. truy cập tháng 10 2016. <http://www.bmub.bund.de/en>.
3. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam, Trần Ngọc Ngoạn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2016.
4. Chuyển đổi sang nền kinh tế xanh ở một số nước EU và gợi mở cho Việt Nam, Lê Thị Thu Hương, 2012.
5. Future made in Germany: Germany's growth is becoming increasingly sustainable, Federal Environment Agency, 2011, <http://www.umweltbundesamt.de>.
6. Global Green Growth: Clean Energy Industrial Investment and Expanding Job Opportunities, UNDP and GGGI, 2015, Volume II.
7. Green Economy, BMZ. The Federal Ministry for Economic Cooperation and Development, February 2011.
8. Greening the Budget: Pricing Carbon and Cutting Energy Subsidies to reduce the financial deficit in Germany, Damian Ludewig Bettina Meyer, and Kai Schlegelmilch, Washington D.C, September 2010.
9. Hướng tới nền kinh tế xanh - Lựa chọn chính sách cho Việt Nam, Trần Ngọc Ngoạn và Hà Ngọc Huy, Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam, 2012.
10. Hỗ trợ tăng trưởng xanh: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Trần Thị Vân Anh và Phạm Văn Nghĩa, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (95), 2015.
11. How Germany became europe's green leader – A look at four decades of

sustainable policy making, Ralph Buehler Arne Jungjohann, Melissa Keeley, Michael Mehling, 2011, The solution journal, <https://www.thesolutionsjournal.com/article/how-germany-became-europes-green-leader-a-look-at-four-decades-of-sustainable-policymaking/>.

12. Sharing experience for sustainability and productivity, Buhner Moritz, Know the flow, 2012, <https://www.ifu.com/knowtheflow/2012/the-path-to-a-green-economy-lessons-from-germany/>.

13. Thực tiễn áp dụng và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh, Nguyễn Tuấn Anh, tạp chí Trung tâm con người và thiên nhiên, 2/9/2016, <http://www.thiennhien.net/2016/09/02/thuc-tien-ap-dung-va-giai-phap-thuc-day-tang-truong-xanh/>.

14. Towards a green economy in Germany? The role of energy efficiency, Marc Ringel Barbara Scholoman, Micheal Krail, Clemens Rohde, Applied Energy, 2016.

15. Towards Green Growth, OECD, 2011.

16. Xây dựng kinh tế xanh – Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức và bài học cho Việt Nam, Vũ Thị Thanh Xuân, Nghiên cứu Châu Âu, Tạp chí Châu Âu, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt, 2016.